TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Hồng Vân

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1986 (có mặt);

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp NQ, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày và yêu cầu như sau*:

Anh và chị Bùi Thị N chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng

nhận kết hôn ngày 16 tháng 10 năm 2007. Anh và chị Bùi Thị N có 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011, hiện nay đang sống với anh; về tài sản chung và nợ, anh và chị Bùi Thị N không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh và chị Bùi Thị N có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau, chị Bùi Thị N bỏ đi sống ly thân với anh từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay không có về chung sống. Anh thấy, anh và chị Bùi Thị N không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị N. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con, anh không yêu cầu chị Bùi Thị N cấp dưỡng nuôi con mặc dù đã được Tòa án có giải thích về cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh vẫn không yêu cầu chị Bùi Thị N cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tại 02 Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Nguyễn Ngọc Thúy Ng và Nguyễn Phúc H như sau*:

Nguyễn Ngọc Thúy Ng và Nguyễn Phúc H con của anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N. Từ khi cha và mẹ không chung sống với nhau thì Nguyễn Ngọc Thúy Ng và Nguyễn Phúc H sống chung với cha là anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: ấp NQ, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu cha mẹ Nguyễn Ngọc Thúy Ng và Nguyễn Phúc H ly hôn, Nguyễn Ngọc Thúy Ng và Nguyễn Phúc H có nguyện vọng chung sống với cha là anh Nguyễn Văn T và cam kết lời trình bày Nguyễn Ngọc Thúy Ng và Nguyễn Phúc H là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình

** Tại Biên bản xác minh ngày 08 tháng 11 năm 2024, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Nguyễn Văn T sinh sống với chị Bùi Thị N tại ấp NQ, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi bất hòa trong việc làm ăn kinh tế gia đình. Thời gian anh chị chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Thúy Ng và Nguyễn Phúc H, từ khi anh chị sống ly thân với nhau anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng.

** Bị đơn chị Bùi Thị N*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Bùi Thị N biết để chị có ý kiến về việc anh Nguyễn

Văn T yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nhưng chị Bùi Thị N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Nguyễn Văn T (Bản sao); Trích lục kết hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N số: 364/TLKH ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản sao); 02 Giấy khai sinh tên Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011 (Bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú số: 000279/XN ngày 23 tháng 5 năm 2024 Công an xã Đ (Bản phô tô); 02 Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011 (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị N. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011 đến tròn 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Bùi Thị N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ, anh và chị Bùi Thị N không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Bùi Thị N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Bùi Thị N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị N và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị N. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng

3 năm 2011 đến tròn 18 tuổi tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con anh chị; về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ, anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Bùi Thị N và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp NQ, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Bùi Thị N biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị nhưng chị Bùi Thị N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Bùi Thị N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Bùi Thị N nhưng chị Bùi Thị N vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Văn T không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Bùi Thị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N chung sống với nhau vào năm 2007, anh chị có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 141 ngày 16 tháng 10 năm 2007, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại

Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị N, thời gian anh và chị Bùi Thị N chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau, chị Bùi Thị N bỏ đi sống ly thân với anh từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay không có về chung sống, anh và chị Bùi Thị N không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị N, nhưng chị Bùi Thị N không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với chị là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N có 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011 hiện nay đang chung sống với anh Nguyễn Văn T. Khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011 đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được. Hội đồng xét xử thấy rằng, người con chung của anh chị sống chung với anh Nguyễn Văn T từ khi anh chị ly thân đến nay đã thích nghi với cuộc sống hiện tại, có nguyện vọng chung sống với anh Nguyễn Văn T. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh Nguyễn Văn T và ý kiến nguyện vọng của các con anh chị, giao 02 người con chung của anh chị tên: Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Bùi Thị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh Nguyễn Văn T tự xác định, anh và chị Bùi Thị N không có tài sản chung, anh cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung của anh chị tên: Nguyễn Ngọc Thúy Ng, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị, hiện nay đang chung sống với anh Nguyễn Văn T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Bùi Thị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Nguyễn Văn T tự xác định, anh và chị Bùi Thị N không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003393 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Nguyễn Văn T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20/3/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đ, AB, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo